TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/DS-PT
Ngày: 21- 8 - 2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Lụa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2017/TLPT-DS ngày 17/7/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 (có mặt)
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 05, xã M, huyện A, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2A, xã M, huyện A, tỉnh Bình Phước

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Ông Đặng Thái H, Trợ giúp viên pháp lý, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Hữu S, sinh ngày 09/02/2000 (vắng mặt tại phiên tòa)
- Bà Lê Thị X, sinh năm 1975 (Đồng thời là người đại diện theo pháp luật của anh Phạm Hữu S) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H cùng trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H cho vợ chồng bà Đỗ Thị L, ông Lê Đức B vay số tiền gốc tổng cộng 560.000.000 đồng vào 02 lần như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 21/7/2014 ông C, bà H cho bà L, ông B vay số tiền gốc 350.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 21/7/2014 đến ngày 21/01/2015, hai bên có lập giấy vay nợ là "bản cam kết gia hạn vốn" do ông C viết và bà L, ông B ký tên vào bên phía người vay.

- Lần thứ hai: Vào ngày 01/4/2015 ông C, bà H cho bà L, ông B vay tiếp số tiền gốc 210.000.000 đồng, không tính lãi suất vay, thời hạn vay là 08 tháng tính từ ngày 01/4/2015 đến ngày 21/02/2016, hai bên có lập giấy vay nợ là "giấy giao kèo", rồi ông C, bà H, bà L, ông B cùng ký tên vào giấy, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, huyện A vào ngày 08/4/2015.

Sau này giữa ông C, bà H và bà L, ông B thống nhất với nhau tổng số tiền gốc ông B, bà L vay của ông C, bà H là 560.000.000 đồng và 28.000.000 đồng tiền lãi suất, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 588.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lập giấy "hợp đồng gia hạn nợ" ngày 01/4/2015 nhưng ghi lùi lại là ngày 21/3/2015, thời hạn vay là 09 tháng tính từ ngày 21/3/2015 đến ngày 21/12/2015, không tính lãi suất gì.

Khi vay tiền của ông C, bà H thì ông B, bà L có giao cho ông C, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L272801 ngày 02/02/1998 mang tên Đỗ Thị L và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên hộ bà Lê Thị X để làm tin cho việc vay tiền và trả nợ sau này thể hiện tại "giấy giao kèo thế chấp" ngày 21/3/2015 mà không phải là thế chấp gì về tài sản cho nhau.

Vì không trả được nợ nên vào ngày 24/4/2016 bà L đã viết giấy hẹn trả nợ ông C, bà H từ ngày 24/4/2016 đến ngày 24/7/2016 nhưng sau đó ông B, bà L không thực hiện được việc trả nợ cho ông C, bà H như đã cam kết.

Đến ngày 27/7/2016 giữa ông B, bà L và ông C, bà H có lập "giấy sang nhượng đất" viết tay thỏa thuận ông B, bà L chuyển nhượng cho ông C, bà H diện tích đất chiều ngang mặt tiền 20 m x chiều ngang mặt hậu 30m tại thôn 2, xã M, huyện A, tỉnh Bình Phước thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/02/1998 mang tên bà L đã giao cho ông C, bà H khi vay tiền để trừ vào số tiền nợ 588.000.000 đồng nêu trên. Nhưng sau đó các bên không tiếp tục thực hiện được việc chuyển nhượng đất này như thỏa thuận.

Từ khi vay tiền ngày 21/7/2014 cho đến ngày xét xử hôm nay, ông B, bà L chưa trả cho ông C, bà H số tiền gốc vay và khoản lãi suất nào.

Nay do ông B đã chết vào ngày 09/11/2016 nên ông C, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A giải quyết buộc một mình bà L phải trả cho ông C, bà H số tiền gốc vay 560.000.000 đồng và các khoản lãi suất theo quy định tính tròn theo tháng cụ thể là:

- Đối với số tiền gốc vay 350.000.000 đồng bao gồm: Lãi suất nợ trong thời hạn vay tính từ ngày 21/7/2014 đến ngày 21/01/2015; lãi suất nợ chậm trả tính từ ngày 22/01/2015 đến ngày 01/4/2015 và lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 22/01/2015 đến ngày xét xử vụ án ngày 23/5/2017.

- Lãi suất nợ chậm trả của toàn bộ số tiền gốc vay 560.000.000 đồng tính từ ngày 24/7/2016 đến ngày 23/5/2017 xét xử vụ án.

Ông C, bà H yêu cầu bà L trả nợ bằng tiền mặt mà không muốn tiếp tục nhận chuyển nhượng đất của bà L để trừ nợ như đã thỏa thuận trước đây.

Bị đơn bà Đỗ Thị L trình bày tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Bà Đỗ Thị L thừa nhận về việc bà L và chồng bà L là ông Lê Đức B (khi đó ông B còn sống) có vay của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H tổng số tiền gốc 560.000.000 đồng làm hai lần như toàn bộ nội dung trình bày nêu trên của ông C, bà H. Khi vay tiền bà L, ông B có giao cho ông C, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 272801 mang tên bà L và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên bà Lê Thị X (giấy này là của bà Lê Thị X, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước, bà X cho bà L, ông B mượn dùng vào việc vay tiền) để làm tin cho việc vay tiền và trả nợ.

Vì ông B đã chết ngày 09/11/2016 nên nay bà L đồng ý trả cho ông C, bà H số tiền gốc vay 560.000.000 đồng bằng việc bà L chuyển nhượng cho ông C, bà H diện tích đất 880 m^2 tại thôn 2A, xã M, huyện A, tỉnh Bình Phước thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L272801 ngày 02/02/1998 mang tên Đỗ Thị L để trừ nợ như đã thỏa thuận tại giấy viết tay "sang nhượng đất" ngày 27/7/2016 trước đây, vì hiện nay bà L không có tiền trả nợ cho ông C, bà H; còn số tiền lãi suất mà ông C, bà H yêu cầu nêu trên do hoàn cảnh bà L hiện nay khó khăn, không có khả năng trả tiền lãi suất cho ông C, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X, anh Phạm Hữu S trình bày tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2017, bản tự khai ngày 08/5/2017 như sau:

Vào năm 2014, do bà Lê Thị X có quan hệ họ hàng với bà Đỗ Thị L nên bà X có cho vợ chồng ông B, bà L mượn của bà X giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên hộ bà Lê Thị X để về thế chấp vay tiền. Tuy nhiên khi ông B, bà L dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này giao cho ông C, bà H để vay tiền thì ông B, bà L không báo với bà X biết Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất này là tài sản chung của bà X, ông Phạm Hữu Muôn (chồng bà X đã chết vào ngày 01/8/2009) và con trai bà X là Phạm Hữu S. Nay bà X và anh S yêu cầu bà L, ông C, bà H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên hộ bà Lê Thị X cho bà X, anh S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H số tiền gốc vay và các khoản lãi suất nợ trong thời hạn vay lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả và lãi suất chậm trả nợ tổng cộng là 672.336.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị L trả nợ xong cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H số tiền nợ 672.336.000 đồng thì ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị L 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L272801 ngày 02/02/1998 mang tên bà Đỗ Thị L và 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên hộ bà Lê Thị X. Đồng thời bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị X 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên hộ bà Lê Thị X.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Đỗ Thị L được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 30.893.440 đồng.

- Trả lại ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 13.200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018792 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bình Phước.

Về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản là 10.000.000 đồng bị đơn bà Đỗ Thị L phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Nguyễn Văn C đã nộp tại biên bản giao nhận ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Phước, bà L có trách nhiệm trả lại ông C số tiền 10.000.000 đồng này.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/6/2017, bị đơn bà Đỗ Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm về lãi suất và phần tuyên án buộc ông C, bà H trả lại cho bà L 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kể từ thời điểm bà L trả cho ông C, bà H hết số tiền vay.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà: Cấp sơ thẩm thu cấp chứng cứ chưa đầy đủ, không đưa những người thừa kế tố tụng của ông B (chồng bà L, đã mất) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự

2015. Chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Đỗ Thị L. Hủy bản án sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

- Nguyên đơn ông C, bà H đề nghị Hội đồng xét xử: giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Bị đơn bà Đỗ Thị L thống nhất theo quan điểm của Viện kiểm sát.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H không kháng cáo, bị đơn bà Đỗ Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm về lãi suất và phần tuyên án buộc ông C, bà H trả lại cho bà L 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kể từ thời điểm bà L trả cho ông C, bà H hết số tiền vay vì theo bà L cách tuyên án như vậy không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn bà Đỗ Thị L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của mình.

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/02/2017 của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H có nội dung vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H cho vợ chồng bà Đỗ Thị L, ông Lê Đức B vay số tiền gốc tổng cộng 560.000.000 đồng vào 02 lần như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 21/7/2014 ông C, bà H cho bà L, ông B vay số tiền gốc 350.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 01/4/2015 ông C, bà H cho bà L, ông B vay tiếp số tiền gốc 210.000.000 đồng.

Sau này giữa ông C, bà H và bà L, ông B thống nhất với nhau tổng số tiền gốc ông B, bà L vay của ông C, bà H là 560.000.000 đồng. Do không trả được nợ nên đến ngày 27/7/2016 giữa ông B, bà L và ông C, bà H có lập "giấy sang nhượng đất" viết tay thỏa thuận ông B, bà L chuyển nhượng cho ông C, bà H diện tích đất chiều ngang mặt tiền 20 m x chiều ngang mặt hậu 30m tại thôn 2, xã M, huyện A, tỉnh Bình Phước thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/02/1998 mang tên bà L đã giao cho ông C, bà H khi vay tiền để trừ vào số tiền nợ gốc và lãi suất là 588.000.000 đồng. Nhưng sau đó các bên không tiếp tục thực hiện được việc chuyển nhượng đất này như thỏa thuận. Do ông B đã chết vào ngày 09/11/2016 nên ông C, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A giải quyết buộc một mình bà L phải trả cho ông C, bà H số tiền gốc vay 560.000.000 đồng và các khoản lãi suất theo quy định.

Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ và giải quyết vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau:

[2] *Về tố tụng:*

Mặc dù, tại đơn khởi kiện ông C, bà Huờng chỉ yêu cầu một mình bà L trả số nợ vay cho ông, bà là 560.000.000 đồng cùng tiền lãi nhưng trong suốt quá trình giao kết hợp đồng vay mượn tiền thì người giao kết là bà L và ông B. Như vậy, theo Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì ông B được xác định tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không xác định ông B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông B mất ngày 09/11/2016, Cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh những người thừa kế quyền và nghĩa vụ theo pháp luật của ông B bao gồm những ai (Theo biên bản làm việc ngày 17/8/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước thì bà L, ông B chung sống với nhau có 04 người con là Lê Phương L1 sinh năm 1990, Lê Hồng H sinh năm 1992, Lê Hiển V sinh năm 1998, Lê Đức Thuận Phúc sinh năm 2006 và mẹ ruột của ông B là bà Hoàng Thị Tý sinh năm 1940 hiện đang chung sống cùng bà L) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các con và mẹ ruột ông B, gây khó khăn cho việc thi hành án.

Mặt khác, trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và trong Biên bản phiên tòa cũng thể hiện có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhưng trong hồ sơ lại không thể hiện có Bài phát biểu của Kiểm sát viên.

[3] *Về nội dung:*

Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên *"Kể từ ngày bà Đỗ Thị L trả nợ xong cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H số tiền nợ 672.336.000 đồng thì ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Đỗ Thị L 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L272801 ngày 02/02/1998 mang tên Đỗ Thị L và 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên hộ bà Lê Thị X. Đồng thời bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị X 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên hộ bà Lê Thị X"* là chưa đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi đương sự vì khi bà L, ông B xác lập giao dịch vay tiền ông C, bà H thì bà L và ông B có giao cho ông C, bà Huờng 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L272801 ngày 02/02/1998 mang tên bà Đỗ Thị L và 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 407979 ngày 20/4/2012 mang tên hộ bà Lê Thị X. Việc bà L, ông B giao 02 Giấy chứng nhận nêu trên cho ông C, bà L được hai bên thống nhất thừa nhận mục đích để làm tin cho giao dịch vay tiền, đây không phải quan hệ thế chấp, cầm cố tài sản nên khi Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà L trả cho ông C, bà huờng số tiền vay là 560 triệu cùng tiền lãi thì phải tuyên buộc ông C, bà H giao trả cho bà L 02 Giấy chứng nhận nêu trên mới phù hợp.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, cách tuyên án chưa đúng, mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí toà án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị L.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Phước để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị L không phải chịu, Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện A hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018884 ngày 14/6/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Nhân Hoàng Thanh Dũng **Nguyễn Viết Hùng**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Hùng